

1 GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU (VGS)

■ GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 83/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2008.

- Vốn pháp định: 35.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND
- Địa chỉ: 79 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84 – 08) 405 0333 Fax: (84 – 08) 405 0111
- Mã số thuế: 0305453780

■ Ra đời trong bối cảnh Thị trường chứng khoán Việt Nam đang phát triển vượt bậc, số lượng các công ty chứng khoán mới ra đời tiếp tục gia tăng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (VGS) luôn ý thức rằng sự thành công trong lĩnh vực dịch vụ tài chính đòi hỏi không chỉ có một đội ngũ nhân viên có kiến thức chuyên môn cao, dịch vụ cung cấp hiệu quả dựa trên nền tảng của công nghệ hiện đại mà còn đòi hỏi sự tận tụy, trung thực, kinh nghiệm và lòng đam mê nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên.

■ Với mục tiêu tối đa hóa giá trị của nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ thỏa mãn cao nhất nhu cầu của Khách hàng, không ngừng sáng tạo và nâng cao chất lượng dịch vụ, VGS đi vào hoạt động với tinh thần coi cạnh tranh là động lực, lợi ích khách hàng là mục tiêu, chất lượng dịch vụ là niềm đam mê.

■ VGS cam kết mang lại các dịch vụ tài chính và các giải pháp cho khách hàng với chất lượng quốc tế, chuyên nghiệp và hiệu quả nhất, góp phần vào việc xây dựng một thị trường tài chính lành mạnh, phát triển bền vững và ổn định.

■ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty chỉ tập trung vào hai lĩnh vực hoạt động chính là **Môi giới chứng khoán** và **Tư vấn đầu tư chứng khoán**. Do đó, các hoạt động này được đầu tư và phát triển một cách chuyên sâu, Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tinh thần làm việc cao, được đào tạo và phân công theo từng khách hàng, đảm bảo thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

■ CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

- Ngày 16 tháng 01 năm 2008 được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, số 83/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 16 tháng 01 năm 2008 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, số 10/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 10 tháng 03 năm 2008 được công nhận tư cách thành viên giao dịch tại SGDCK Tp.HCM, số 88/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM cấp.
- Ngày 10 tháng 03 năm 2008 Công ty Cổ Phần Chứng khoán Toàn Cầu chính thức đi vào hoạt động.
- Ngày 08 tháng 09 năm 2008 được công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Trung tâm Giao dịch

Chứng khoán Hà Nội, số 309/QĐ-TTGDHN của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.

TẦM NHÌN

VGS phấn đấu trở thành định chế tài chính được tin cậy, không ngừng gia tăng giá trị, lợi ích cho khách hàng, cổ đông và cán bộ công nhân viên của Công ty, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường tài chính Việt Nam.

SỨ MỆNH

VGS là cầu nối giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước, giữa thị trường tài chính Việt Nam và thị trường tài chính Quốc tế.

CAM KẾT

- VGS mang đến các giải pháp hoàn hảo về thị trường; các tiện ích gia tăng và các dịch vụ hỗ trợ đầu tư phát triển cho khách hàng nhanh nhất, hiệu quả nhất, góp phần hoàn thiện và chuẩn hóa các hoạt động của thị trường tài chính Việt Nam.
- VGS cam kết là người bạn đồng hành, luôn mang đến sự tin tưởng, thoải mái và là bộ phận cho Khách hàng khi muốn vươn ra thị trường tài chính Quốc tế.
- VGS không ngừng nỗ lực để nâng cao môi trường làm việc và chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TIỀN PHONG

VGS là người đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất phục vụ khách hàng, xây dựng văn hóa Công ty và môi trường làm việc chuyên nghiệp, không ngừng học hỏi để đổi mới, sáng tạo để phục vụ lợi ích khách hàng, cổ đông và xã hội.

UY TÍN

VGS tạo nên sự tin tưởng đối với Khách hàng bằng cách xây dựng và thực hiện mọi hoạt động dựa trên cơ sở của sự minh bạch, trung thực, chuyên nghiệp và tôn trọng đạo đức nghề nghiệp.

HIỆU QUẢ

VGS luôn lắng nghe ý kiến từ phía Khách hàng để tìm ra giải pháp hiệu quả nhất, phù hợp cho từng cá nhân, tổ chức. Công ty khuyến khích nỗ lực của từng cá nhân tuy nhiên chúng tôi cũng nhận ra rằng nỗ lực của cả tập thể mới đem lại hiệu quả cao nhất đối với công việc.

2

TĂNG TRƯỞNG

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt -3.4% so với năm 2011.
- Lợi nhuận tăng trưởng tốt trong thời điểm thị trường khó khăn.

Chỉ tiêu	2012	2011	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần	16,421,340,460	17,006,201,601	-3.4%
Lợi nhuận trước thuế	1,572,343,273	320,326,087	390.9%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2012

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

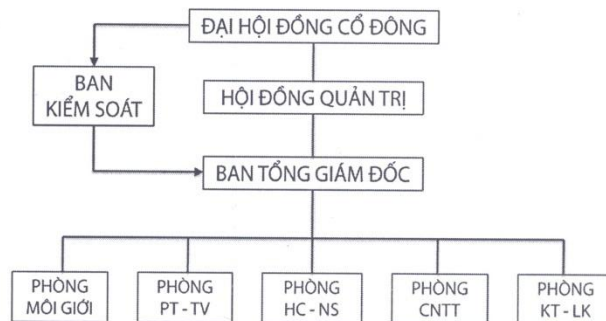
- Song song cùng với hoạt động kinh doanh, chúng tôi đã thực hiện thành công việc chuyển đổi hệ thống giao dịch, kế toán dựa trên nền tảng BOSCO sang áp dụng hệ thống phần mềm mới do Công ty tự phát triển dựa trên nền tảng của hệ thống cũ và học tập các hệ thống tiên tiến khác, áp dụng các công nghệ mới nhất nhằm nâng cao tốc độ xử lý 11ms/ 1 lệnh, đảm bảo tính bảo mật cao- chỉ nhân viên quản lý khách hàng mới có thể truy xuất được dữ liệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về trạng thái danh mục đầu tư để hỗ trợ nhân viên môi giới chăm sóc nhà đầu tư.
- Hệ thống Online Trading cùng với bảng điện tử online của chúng tôi là hệ thống nhanh nhất vào thời điểm hiện tại với đầy đủ các thông tin cần thiết để các nhà đầu tư chứng khoán có thể tham khảo, phục vụ cho quyết định đầu tư của bản thân, ví dụ như: các thông tin về tra cứu số dư dòng tiền, dòng chứng khoán T+1, T+2, T+3, lịch sử lệnh, lịch sử giao dịch tiền, thông tin quyền, thực hiện quyền, thông tin hỗ trợ thanh toán...

NHÂN SỰ

- Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng đặc biệt đối với sự thành công trong các hoạt động của Công ty. Vì vậy, xây dựng được một đội ngũ lao động giỏi chính là xây dựng được một nền tảng vững chắc cho sự thành công của Công ty.
- Để thực hiện chiến lược lâu dài về bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân sự, Công ty sẽ tiến hành tuyển chọn các cán bộ trẻ, nhiệt tình, năng động, được đào tạo cơ bản tại các trường đại học trong và ngoài nước để tiếp tục đào tạo, cọ xát công việc và tích lũy kinh nghiệm.
- Công ty Chứng khoán Toàn Cầu xây dựng một môi trường thân thiện và chuyên nghiệp, tạo điều kiện tối đa đối với mọi người phát huy khả năng bản thân đồng thời phát huy sức mạnh của tập thể để mang lại chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ phục vụ khách hàng.

3 CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ TẠI NGÀY 31/12/2012

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)	SỐ TIỀN (VND)
1	Công ty Đầu Tư – Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	700.000	20	7.000.000.000
2	Công ty TNHH Xây Dựng An Cư	700.000	20	7.000.000.000
3	Ông Mai Văn Công	525.000	15	5.250.000.000
4	Ông Châu Vinh Quang	525.000	15	5.250.000.000
5	Ông Nguyễn Bảo Thành	525.000	15	5.250.000.000
6	Ông Hoàng Biểu	525.000	15	5.250.000.000
	TỔNG	3.500.000	100	35.000.000.000

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2012

4 GIỚI THIỆU CỔ ĐÔNG

Công ty Cổ phần Đầu tư – Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam (SEI)

Tên giao dịch quốc tế: Southern Engineering & Informatics – Investment Corporation
Tên viết tắt: Công ty Cổ phần Phương Nam
Tên viết tắt tiếng Anh: S.E.I
Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VNĐ
Trụ sở: Lô 2-4-6 đường C, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM

SEI được chuyển đổi từ Công ty TNHH Điện tử Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam, được thành lập theo quyết định số 1614/GP-UB do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 1996, là cổ đông sáng lập của Tập đoàn Tân Tạo (ITA GROUP). Công ty đã tham gia tư vấn thiết kế và giám sát hơn 250 công trình công nghiệp và dân dụng trong nhiều khu công nghiệp, chế xuất khác nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh...từ các nhà xưởng phục vụ sản xuất đến quy hoạch chi tiết các khu dân cư...trong các dự án của Tập đoàn Tân Tạo.

Năm 2002, Công ty đã mở rộng ra nước ngoài bằng hình thức liên doanh thành lập Công ty US SOUTHERN CORP đặt văn phòng tại tiểu bang Texas và tiểu bang Florida Hoa Kỳ. SEI đang cùng US SOUTHERN CORP triển khai thực hiện dự án DIAMOND STAR khu biệt thự cao cấp đặt tại trung tâm thành phố Houston, thủ phủ bang Texas, Hoa Kỳ.

Công ty TNHH Xây dựng An Cư

Địa chỉ: Lầu 3 - 30 Mạc Đĩnh Chi - Phường ĐaKao - Quận 1 - TP.HCM
Điện thoại: 0838293027 Fax: (84.8) 8 241 323
Email: welcome@ancucompany.com
Website: www.ancucompany.com

Các dịch vụ kinh doanh :

- Tư vấn, thiết kế, trang trí nội thất công trình
- Thi công xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh nhà, thương mại...

Công ty TNHH Xây dựng An Cư được thành lập vào ngày 15 tháng 2 năm 1992 theo giấy phép kinh doanh thành lập số 51/GP-UB của UBND TP.HCM và giấy phép đăng ký kinh doanh số 046834.

Với 18 năm hình thành và phát triển từ một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, những năm gần đây, trong chiến lược phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ, chuẩn hóa hệ thống và đội ngũ quản lý, mở rộng quy mô sản xuất, dịch vụ kinh doanh. Công ty cũng đã, đang và sẽ đầu tư tài chính với hình thức là cổ đông sáng lập, cổ đông chiến lược của các công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh tiềm năng trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh cũng như cả nước

5 GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Phú Mỹ	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
2	Ông Châu Vinh Quang	Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
3	Ông Mai Văn Công	Thành viên
4	Ông Nguyễn Bảo Thành	Thành viên
5	Ông Hoàng Biếu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thế Nhiên	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Cảnh	Quyển Kế toán Trưởng

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN
CẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

NĂM 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

STT	NỘI DUNG	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM
I	Tài sản ngắn hạn	91,405,113,640	52,264,574,361
1	Tiền	24,600,915,142	2,383,608,654
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		
	- Chứng khoán tự doanh		
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	66,440,573,116	43,106,460,325
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		
5	Tài sản ngắn hạn khác	363,625,382	6,774,505,382
II	Tài sản dài hạn	5,403,709,607	4,530,461,052
1	Tài sản cố định	4,613,999,341	4,613,999,341
	- Tài sản cố định hữu hình	3,436,429,024	2,811,607,150
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	1,177,570,317	1,026,042,265
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	789,710,266	692,811,637
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	96,808,823,247	56,795,035,413
IV	Nợ phải trả	67,011,571,904	25,425,440,798
1	Nợ ngắn hạn	67,011,571,904	25,425,440,798
2	Nợ dài hạn		
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	29,797,251,343	31,369,594,615

1	Vốn góp ban đầu	35,000,000,000	35,000,000,000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	- 5,202,748,658	- 3,630,405,385
4	Vốn điều chỉnh		
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	96,808,823,247	56,795,035,385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	NỘI DUNG	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	17,006,201,601	16,421,340,460
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần	17,006,201,601	16,421,340,460
4	Thu lãi đầu tư		
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-
7	Lợi nhuận gộp	17,006,201,601	16,421,340,460
8	Chi phí quản lý	16,153,512,973	16,421,340,460
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	852,688,628	1,572,343,273
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	8,200,000	-
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	320,326,087	1,572,343,273
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)		
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
14	Lợi nhuận sau thuế	320,326,087	1,572,343,273
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)	92	449
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)	-	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Cơ cấu tài sản				
1	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92.02	94.41
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		7.98	5.58
Cơ cấu nguồn vốn				
2	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43	69.22
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		55.23	30.78
Khả năng thanh toán				
3	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.938	0.367
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2.056	1.36
Tỷ suất lợi nhuận				
4	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		2.77	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9.57	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		5.01	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

7 BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: 0204/2013/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

KÍNH GỬI: quý CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Toàn Cầu bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2013, từ trang 7 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Do hạn chế từ phía Công ty, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và tài sản cố định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như không có điều kiện áp dụng các phương pháp thay thế khác. Vì vậy, Chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định tính chính xác của số lượng và giá trị tiền mặt và tài sản cố định nêu trên.

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Chúng tôi không có đầy đủ hồ sơ, tài liệu để xác định khả năng thu hồi của khoản công nợ phải thu khách hàng (*Xem thuyết minh V.2*) và thư xác nhận của các khoản phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu do thu hộ của Công ty (*Xem thuyết minh V.16*).

Đồng thời, Chúng tôi cũng không có đủ hồ sơ, tài liệu để xác định tính hợp lý của các khoản tạm ứng phát sinh trong năm và khoản tạm ứng còn phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của bà Lê Thị Kim Liên (*Xem thuyết minh V.6*).

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những hạn chế nêu trên (nếu có) đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, các chỉ tiêu còn lại trên Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2013

VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

VÕ THỊ THU HƯƠNG - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52,264,574,361	91,405,113,639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2,383,608,654	24,600,915,142
Tiền	111		2,383,608,654	24,600,915,142
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43,106,460,325	66,440,573,115
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	43,396,479,958	65,672,495,928
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	67,608,000	67,608,000
3. Các khoản phải thu khác	133	V.4	2,555,295	1,241,031,729
4. Dự phòng phải thu khó đòi	134	V.5	(360,182,928)	(540,562,542)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,774,505,382	363,625,382
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	6,774,505,382	363,625,382
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,530,461,052	5,403,709,607
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,837,649,415	4,613,999,341
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2,811,607,150	3,436,429,024
Nguyên giá	222		5,613,161,151	5,613,161,151
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,801,554,001)	(2,176,732,127)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1,026,042,265	1,177,570,317
Nguyên giá	228		1,515,280,520	1,515,280,520
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(489,238,255)	(337,710,203)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		692,811,637	789,710,266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	185,695,753	302,905,185
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	507,115,884	486,805,081
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56,795,035,413	96,808,823,246

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		25,425,440,798	67,011,571,904
I. Nợ ngắn hạn	310		25,425,440,798	67,011,571,904
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	20,140,000,000	39,622,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.12	659,294,379	10,800,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	415,423,012	312,363,460
5. Phải trả người lao động	315		28,338,103	-
6. Chi phí phải trả	316	V.14	-	212,163,258
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.15	1,272,085,598	219,424,127
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.16	670,042,475	672,479,658
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	329	V.17	2,240,257,231	25,962,341,401
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31,369,594,615	29,797,251,342
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	31,369,594,615	29,797,251,342
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35,000,000,000	35,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	420		(3,630,405,385)	(5,202,748,658)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56,795,035,413	96,808,823,246

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2012	Số dư 01/01/2012
Nợ khó đòi đã xử lý	004			-
Chứng khoán lưu ký	006		744,756,140,000	1,786,679,590,703
Trong đó:				
Chứng khoán giao dịch	007		155,741,380,000	35,240,703
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	009		<i>155,741,380,000</i>	<i>35,240,703</i>
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		15,000,000,000	116,214,000,000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	014		<i>15,000,000,000</i>	<i>116,214,000,000</i>
Chứng khoán cầm cố	017		573,699,760,000	1,663,780,350,000
<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	019		<i>573,699,760,000</i>	<i>1,663,780,350,000</i>
Chứng khoán chờ thanh toán	027		315,000,000	6,650,000,000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong</i>	029		<i>315,000,000</i>	<i>6,650,000,000</i>
			768,626,140,000	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1,572,343,273	320,326,086
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		776,349,926	377,556,486
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(180,149,387)	(107,907,694)
- Chi phí lãi vay	06		7,326,721,465	3,498,991,785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,495,265,277	4,088,966,663
- Tăng các khoản phải thu	09		16,902,921,987	(33,131,595,644)
- Giảm các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22,104,131,106)	(35,880,504,253)
- Tăng chi phí trả trước	12		117,209,432	(51,922,410)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,326,721,465)	(2,892,610,674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,915,455,875)	(67,867,666,318)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(641,569,224)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(7,800,000,000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15,790,000,000
- Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức	27		180,149,387	107,907,694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		180,149,387	7,456,338,470
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,737,000,000	75,860,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23,219,000,000)	(38,900,000,000)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19,482,000,000)	36,960,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22,217,306,488)	(23,451,327,848)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		24,600,915,142	24,418,744,664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2,383,608,654	967,416,816

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu	01	VI.1	16,421,340,460	17,006,201,601
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2,513,315,675	1,156,401,968
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	14,000,000
- Doanh thu khác	01.9		13,908,024,785	15,835,799,633
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		16,421,340,460	17,006,201,601
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	8,830,875,164	9,085,046,563
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		7,590,465,296	7,921,155,038
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	6,018,122,023	7,609,028,952
10 Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,572,343,273	312,126,086
11 Thu nhập khác	31		-	8,200,000
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận (lỗ) khác	40		-	8,200,000
14 Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		1,572,343,273	320,326,086
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Thu nhập/ (Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,572,343,273	320,326,086
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	449	92

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Toàn Cầu (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán
- Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

- Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 5 của Công ty

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06-08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống BOSC và Gateway vào sử dụng. Các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trang trí nội thất và chi phí sửa chữa văn phòng.

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất văn phòng phát sinh khi Công ty di dời địa điểm kinh doanh chuyển sang trụ sở mới từ cuối năm 2009 được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 4 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

8. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;

-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu môi giới mua và bán chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, đồng thời xuất hóa đơn giá trị gia tăng;

Doanh thu tiền lãi ngân hàng, lãi cổ tức được ghi nhận theo thông báo của bên còn lại;

Doanh thu tiền lãi hỗ trợ mua bán chứng khoán căn cứ vào hợp đồng với nhà đầu tư.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

11. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Trong năm, hoạt động kinh doanh của đơn vị có lãi, do thực hiện chuyển lỗ của các năm trước nên đơn vị không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

v. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Tiền mặt	951.882	3.670.545
Tiền gửi ngân hàng	2.382.656.772	24.597.244.597
Cộng	2.383.608.654	24.600.915.142

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạ Duy Toàn	12.488.213.140	10.055.974.571
Mai Chi Mai	-	8.811.849.812
Nguyễn Thị Kim Sương	2.982.346.267	19.047.065.454
Võ Ngọc Bảo Trân	5.735.778.664	6.776.195.822
Nguyễn Thị Kê	4.808.177.239	3.871.723.481
Lê Anh Tuấn	3.239.752.794	2.669.723.712
Nguyễn Thị Kim Liên	2.995.673.582	4.133.482.034
Dương Quỳnh Anh	1.277.233.791	1.054.811.231
Võ Quang Hiếu	3.405.934.529	2.797.210.035
Nguyễn Thị Phương Lan	69.470.000	-
Phải thu khác	6.393.899.952	6.454.459.776
Cộng (*)	43.396.479.958	65.672.495.928

(*): Các khoản công nợ chưa xác định được khả năng thu hồi

Trong đó:

Các khoản phải thu khách hàng	362.044.928	292.574.928
Các khoản phải thu từ nhà đầu tư	43.034.435.030	65.379.921.000

3. Trả trước cho người bán

Khách hàng khác	67.608.000	67.608.000
Cộng (*)	67.608.000	67.608.000

(*) Khoản công nợ không chi tiết rõ đối tượng từ các năm trước

4. Các khoản phải thu khác

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nộp thừa	2.555.295	32.617.124
Phải thu khác	-	1.208.414.605
Ông Nguyễn Mạnh Toàn (*)	-	1.081.125.083
Khác (**)	-	127.289.522
Cộng	2.555.295	1.241.031.729

(*): Chưa nhận được thư xác nhận

(**): Khoản phải thu nhà đầu tư phát sinh từ năm 2011 chưa rõ đối tượng.

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Ông Trần Phú Mỹ	-	540.562.542
Trả trước cho người bán	67.608.000	-
Nguyễn Thị Kim Sương	109.015.928	-
Khách hàng khác	183.559.000	-
Cộng	360.182.928	540.562.542

6. Tài sản ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn	348.845.382	348.845.382
Tạm ứng nhân viên (**)	6.425.660.000	14.780.000
Lê Thị Kim Liên	6.371.140.000	-
Nguyễn Mạnh Toàn (*)	49.740.000	-
Khác (*), (***)	4.780.000	14.780.000
Cộng	6.774.505.382	363.625.382

(*) Tổng giá trị công nợ chưa nhận được thư xác nhận: 54.520.000 VND

(**) Công nợ tạm ứng không xác định được lý do tạm ứng

(***) Khoản tạm ứng từ các năm trước không chi tiết được đối tượng.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	5.156.572.936	456.588.215	5.613.161.151
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	5.156.572.936	456.588.215	5.613.161.151
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	1.992.050.917	184.681.210	2.176.732.127
2. Tăng trong kỳ	538.867.982	85.953.892	624.821.874
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	2.530.918.899	270.635.102	2.801.554.001
III. Giá trị còn lại			-
1. Số đầu năm	3.164.522.019	271.907.005	3.436.429.024
2. Số cuối năm	2.625.654.037	185.953.113	2.811.607.150

8. Tài sản vô hình

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	459.355.520	1.055.925.000	1.515.280.520
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	459.355.520	1.055.925.000	1.515.280.520
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	172.258.330	165.451.873	337.710.203
2. Tăng trong kỳ	45.935.552	105.592.500	151.528.052
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối năm	218.193.882	271.044.373	489.238.255
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	287.097.190	890.473.127	1.177.570.317
2. Số cuối năm	241.161.638	784.880.627	1.026.042.265

9. Chi phí trả trước dài hạn				
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	252.939.395	-	91.184.004	161.755.391
Chi phí trang trí nội thất	49.965.790	-	26.025.428	23.940.362
Cộng	302.905.185	-	117.209.432	185.695.753

10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu		486.805.081	338.109.882
Tiền nộp bổ sung hàng năm		20.310.803	132.935.002
Tiền lãi phân bổ hàng năm		-	15.760.197
Cộng		507.115.884	486.805.081

11. Vay và nợ ngắn hạn				
	Số đầu năm	Vay trong kỳ	Thanh toán trong kỳ	Số cuối năm

Vay ngắn hạn ngân hàng	39.622.000.000	3.200.000.000	101.625.000	42.720.375.000
Ngân hàng NN & PTNT CN Bình Thạnh	30.350.000.000	3.737.000.000	13.947.000.000	20.140.000.000
Ngân hàng SHB	9.272.000.000	-	9.272.000.000	-
Cộng (*)	39.622.000.000	3.737.000.000	23.219.000.000	20.140.000.000

(*) Chưa nhận được thư xác nhận đối với khoản vay ngân hàng NN & PTNT CN Bình Thạnh.
 Trong năm Công ty có ký hợp đồng số 01/2012/HĐTD/VGS ngày 13 tháng 11 năm 2012 về việc bà Vũ Thị Hạnh chịu trách nhiệm tất toán khoản vay này với Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn CN Bình Thạnh.

Ngân hàng NN & PTNT CN Bình Thạnh

Hợp đồng : Căn cứ từng hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá.
 Thời hạn vay : 1 - 3 tháng.
 Mục đích vay : Kinh doanh.
 Lãi suất : 11,5% – 14,5%, xác định theo từng kế ước nhận nợ.
 Tài sản đảm bảo : Các loại giấy tờ có giá theo từng hợp đồng.

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Thị Phương Lan	46.970.000	-
Mai Chi Mai	601.524.379	-
Khách hàng khác	10.800.000	10.800.000
Cộng (*)	659.294.379	10.800.000

(*) Tổng giá trị công nợ chưa nhận được thư xác nhận: 659.294.379 VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	80.163.392	-	-	80.163.392
Thuế thu nhập cá nhân	232.200.068	390.677.981	287.618.429	335.259.620
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
Cộng	312.363.460	393.677.981	290.618.429	415.423.012

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán : 10%
Hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn : Không chịu thuế

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh V.11

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

14. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay nhà đầu tư	-	212.163.258
Cộng	-	212.163.258

15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	212.360.027	219.424.127
Phải trả khoản tiền gửi của nhà đầu tư	1.059.725.571	-
– Lê Quang Danh	76.885.261	-
– Trần Quang Đông	99.572.581	-
– Nhâm Hữu Hải	123.317.282	-
– Trần Thanh Bình	87.166.256	-
– Kanehoshi Rie	76.085.208	-
– Quỹ ITA vì tương lai	66.820.868	-
– Nguyễn Đức Hùng	77.311.097	-
– Khách hàng khác	452.567.018	-
Cộng	1.272.085.598	219.424.127

16. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	670.042.475	672.479.658
Cộng	670.042.475	672.479.658

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	39.899.843	23.787.383
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.200.357.388	14.140.887.388
<i>Phải trả chi phí trước thành lập - Nguyễn Ngọc Thắng</i>	<i>124.780.000</i>	<i>124.780.000</i>
<i>Trần Phú Mỹ</i>	<i>2.006.107.388</i>	<i>14.010.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>69.470.000</i>	<i>6.107.388</i>
Tiền ký quỹ nhà đầu tư	-	11.797.666.630
Cộng	2.240.257.231	25.962.341.401

18. **Vốn chủ sở hữu**

	Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu		Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	
Số đầu năm	35.000.000.000	(5.202.748.658)	29.797.251.342
Lợi nhuận năm 2012	-	1.572.343.273	1.572.343.273
Số cuối năm	35.000.000.000	(3.630.405.385)	31.369.594.615

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu thường	Giá trị (VND)
Công ty Đầu Tư – Tin học và Tư vấn xây dựng Phương Nam	20,00	700.000	7.000.000.000	20,00	700.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng An Cư	20,00	700.000	7.000.000.000	20,00	700.000	7.000.000.000
Ông Mai Văn Công	15,00	525.000	5.250.000.000	15,00	525.000	5.250.000.000
Ông Châu Vinh Quang	15,00	525.000	5.250.000.000	15,00	525.000	5.250.000.000
Ông Nguyễn Bảo Thành	15,00	525.000	5.250.000.000	15,00	525.000	5.250.000.000
Ông Hoàng Biều	15,00	525.000	5.250.000.000	15,00	525.000	5.250.000.000
Cộng	100,00	3.500.000	35.000.000.000	100,00	3.500.000	35.000.000.000

Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/ cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.467.315.675	1.874.600.335
Doanh thu hoạt động tư vấn	116.216.916	14.000.000
Doanh thu khác	13.837.807.869	15.117.601.266
<i>Doanh thu ứng trước tiền bán</i>	<i>13.657.658.482</i>	<i>112.082.208</i>
<i>Doanh thu hỗ trợ vốn</i>	-	<i>12.746.034.020</i>
<i>Doanh thu hỗ trợ nội bộ</i>	-	<i>2.094.965.976</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>180.149.387</i>	<i>164.519.062</i>
Cộng	16.421.340.460	17.006.201.601

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Phí giao dịch chứng khoán	1.504.153.699	1.548.797.171
Chi phí hoạt động vốn kinh doanh	7.326.721.465	7.536.249.392

Cộng	8.830.875.164	9.085.046.563
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.045.525.361	2.462.129.995
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	502.779.465	521.678.416
Chi phí khấu hao	776.349.926	765.731.445
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	360.182.928	540.562.542
Chi phí thuê nhà	1.506.217.982	1.477.188.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.401.928	-
Chi phí bằng tiền khác	684.664.433	1.837.737.563
Cộng	6.018.122.023	7.609.028.952
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.572.343.273	320.326.086
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.572.343.273	320.326.086
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	449	92
(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.500.000	3.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
5. Chi phí sản xuất theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước

Chi phí nhân viên	2.045.525.361	2.462.129.995
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	502.779.465	521.678.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	776.349.926	765.731.445
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	360.182.928	540.562.542
Chi phí thuê nhà	1.506.217.982	1.477.188.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.401.928	-
Chi phí bằng tiền khác	684.664.433	1.837.737.563
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.504.153.699	1.548.797.171
Chi phí hoạt động vốn kinh doanh	7.326.721.465	7.536.249.392
Cộng	14.848.997.187	16.694.075.515

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT
Ông Châu Vinh Quang	Phó chủ tịch HĐQT

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm nay
Ông Trần Phú Mỹ	
Hỗ trợ tiền ngắn hạn	2.000.000.000
Chi tiền thanh toán hỗ trợ ngắn hạn	14.010.000.000
Ông Châu Vinh Quang	
Ông Châu Vinh Quang tạm ứng	9.990.000.000
Ông Châu Vinh Quang thanh toán tạm ứng (*)	9.990.000.000

(*) Ông Châu Vinh Quang tạm ứng tiền thực hiện hợp đồng số 01/HĐKT ngày 02 tháng 01 năm 2012 về việc thiết kế phần mềm cho Công ty nhưng không thực hiện được, sau đó Công ty đã thu lại bằng tiền mặt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có số dư phải trả đối với ông Trần Phú Mỹ:

	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Phú Mỹ	2.000.000.000	14.010.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng	486.084.481	630.245.619
Phụ cấp	-	-
Cộng	486.084.481	630.245.619

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động kinh doanh: Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng, Bộ phận kinh doanh nguồn vốn và Bộ phận khác. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 2 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận môi giới và dịch vụ khách hàng: Kinh doanh môi giới chứng khoán; lưu ký chứng khoán, ...

-
- Bộ phận kinh doanh nguồn vốn: Kinh doanh thông qua vốn sẵn có để lấy lãi (gửi tiền ngân hàng), hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư,...

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.254.708.369	48.179.719.749	-	50.434.428.118
Tài sản không phân bổ	-	-	6.360.607.295	6.360.607.295
Tổng tài sản				57.369.116.609
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	2.590.622.452	22.146.107.388	-	24.736.729.840
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	688.710.958	688.710.958
Tổng nợ phải trả				25.425.440.798
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	12.996.541.849	83.764.884.273	-	96.761.426.122
Tài sản không phân bổ	-	-	47.397.124	47.397.124

	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Cộng
Tổng tài sản				96.808.823.247
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	12.901.733.673	53.632.000.000	-	66.533.733.673
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	477.838.231	477.838.231
Tổng nợ phải trả				67.011.571.904

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu về hoạt động kinh doanh	2.583.532.591	13.837.807.869	-	16.421.340.460
Chi phí trực tiếp (chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp, chưa bao gồm chi phí khấu hao)	2.214.017.968	11.858.629.293	-	14.072.647.261
Chi phí khấu hao	122.141.389	654.208.537	-	776.349.926
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	247.373.234	1.324.970.039	-	1.572.343.273
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế				1.572.343.273
Năm trước				
Doanh thu về hoạt động kinh doanh	1.888.600.335	15.117.601.266	-	17.006.201.601
Chi phí trực tiếp (chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp, chưa	1.768.900.349	14.159.443.721	-	15.928.344.070

	Bộ phận môi giới và dịch vụ	Bộ phận kinh doanh nguồn vốn	Không phân bổ	Cộng
bao gồm chi phí khấu hao)				
Chi phí khấu hao	85.037.253	680.694.192	-	765.731.445
Lãi (lỗ) khác	-	-	8.200.000	8.200.000
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	34.662.733	277.463.353	8.200.000	320.326.086
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-	-
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế				320.326.086

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một khu vực địa lý là trụ sở đăng ký trên Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty (79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh). Tháng ... năm 2013 Công ty đã đổi địa chỉ về trụ sở mới tại số....

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.383.608.654	24.600.915.142
Phải thu khách hàng	43.396.479.958	65.672.495.928
Trả trước người bán	67.608.000	67.608.000
Các khoản phải thu khác	-	1.208.414.605
Ký quỹ ngắn hạn	348.845.382	348.845.382
Cộng	46.196.541.994	91.898.279.057

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	20.140.000.000	39.622.000.000
Phải trả người bán	659.294.379	10.800.000
Chi phí phải trả	-	212.163.258
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	11.797.666.630
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	670.042.475	672.479.658
Các khoản phải trả khác	2.200.357.388	14.140.887.388

Cộng

23.669.694.242

66.455.996.934

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát hành từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay,...).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các cá nhân có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ngoài các khoản phải thu khách hàng không có khả năng thu hồi đã lập dự phòng Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản phải thu phát sinh trong năm, chỉ còn phải thu bà Nguyễn Thị Phương Lan số tiền 69.470.000VND.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các khách hàng ứng trước tiền bán cổ phiếu dưới hình thức cầm cố chính các cổ phiếu khách hàng đã mua.

Các khoản phải thu về cho vay này được trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu khách hàng – Nhà đầu tư”.

Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn hoặc quá hạn không quá 15 ngày và không bị suy giảm vì liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ	20.140.000.000	-	-	20.140.000.000
Phải trả người bán	-	659.294.379	-	659.294.379
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	670.042.475	-	670.042.475
Các khoản phải trả khác	2.200.357.388	-	-	2.200.357.388
Cộng	22.340.357.388	1.329.336.854	-	23.669.694.242

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ	39.622.000.000	-	-	39.622.000.000
Phải trả người bán	10.800.000	-	-	10.800.000
Chi phí phải trả	212.163.258	-	-	212.163.258
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.797.666.630	-	-	11.797.666.630
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	672.479.658	-	-	672.479.658
Các khoản phải trả khác	14.140.887.388	-	-	14.140.887.388
Cộng	66.455.996.934	-	-	66.455.996.934

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.383.608.654	-	-	2.383.608.654
Phải thu khách hàng	43.396.479.958	-	-	43.396.479.958
Trả trước người bán	-	67.608.000		67.608.000
Các khoản phải thu				
Khác	-	-	-	-
Ký quỹ ngắn hạn	348.845.382	-	-	348.845.382
Cộng	46.128.933.994	67.608.000	-	46.196.541.994

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ phải thu đối với ông Trần Phú Mỹ vẫn chưa nhận được tiền số tiền là 1.181.978.083 VND, đã trích lập dự phòng với số tiền 756.787.559 VND

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.600.915.142	-	-	24.600.915.142
Phải thu khách hàng	65.672.495.928	-	-	65.672.495.928
Trả trước người bán	67.608.000			67.608.000
Các khoản phải thu khác (*)	1.208.414.605	-	-	1.208.414.605
Ký quỹ ngắn hạn	348.845.382	-	-	348.845.382
Cộng	91.898.279.057	-	-	91.898.279.057

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012



April 18th,
2013

tương đương tiền			
Phải thu khách hàng	43.396.479.958	-	43.396.479.958
Trả trước người bán	-	67.608.000	67.608.000
Các khoản phải thu khác	-	-	-
Ký quỹ ngắn hạn	348.845.382	-	348.845.382
Cộng	46.128.933.994	67.608.000	46.196.541.994

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ phải thu đối với ông Trần Phú Mỹ vẫn chưa nhận được tiền số tiền là 1.181.978.083 VND, đã trích lập dự phòng với số tiền 756.787.559 VND

Số đầu năm

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.600.915.142	-	-	24.600.915.142
Phải thu khách hàng	65.672.495.928	-	-	65.672.495.928
Trả trước người bán	67.608.000			67.608.000
Các khoản phải thu khác (*)	1.208.414.605	-	-	1.208.414.605
Ký quỹ ngắn hạn	348.845.382	-	-	348.845.382
Cộng	91.898.279.057	-	-	91.898.279.057

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Phú Mỹ